

## Câu chuyện về nàng Liệt Nữ My Ê (trong *Việt Điện U Linh* của Lý Tế Xuyên) và thực tế lịch sử

Nguyễn Thị Giang\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 4 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 5 năm 2013, Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 8 năm 2013

**Tóm Tắt:** Trong sử sách và trong văn học, những biểu hiện của xã hội nam quyền, thể hiện tư tưởng áp chế phụ nữ, vấn đề trinh tiết áp đặt cho phụ nữ bắt đầu từ khi nào, bộc lộ ra sao dường như chưa được giới nghiên cứu quan tâm. Những nghiên cứu gần đây có ít nhiều mô tả người liệt nữ ở các giai đoạn cuối thời trung đại chứ ở giai đoạn đầu, chưa có sự chú ý đúng mức. Bài viết lựa chọn nghiên cứu nhân vật liệt nữ My Ê, được coi là dấu hiệu sớm nhất của người liệt nữ trong văn học Việt Nam trung đại. Nghiên cứu cố gắng giải mã vấn đề vì sao nhà nước phong kiến lại quyết định chọn một phụ nữ ngoại tộc, với nền văn hóa khác biệt (bị cho là man di) để mở đầu cho sự tuyên truyền thực chất là đạo đức khắc kỉ của người phụ nữ, phục vụ cho trật tự nam quyền, lợi ích nam giới. Sau đó là theo dõi hình tượng My Ê tồn tại và tiếp nối trong suốt thời trung đại thế nào?

*Từ khoá:* My Ê; Liệt nữ; Việt Điện U Linh; Lý Tế Xuyên.

### 1. Mở đầu

Với tính cách là giai đoạn đặt nền móng cho văn học trung đại, ở những thế kỉ đầu tiên của văn học dân tộc (giai đoạn X-XV), các kiểu nhân vật đã có tính dự báo cho hệ thống nhân vật của toàn bộ tiến trình văn học trung đại. Tất nhiên, sự vận động của các thế kỉ văn học tiếp theo giai đoạn này là rất phong phú, đa dạng nhưng ở mức độ rõ ràng, ta có thể thấy sự tiếp tục triển khai ở những khía cạnh khác nhau một số vấn đề đã được khơi gợi từ giai đoạn thế kỉ X-XV. Qua việc nghiên cứu nhân vật liệt nữ My Ê được diễn tả trong một tác phẩm văn học chức năng - *Việt Điện U Linh*

cùng sự nối tiếp của cảm hứng này trong thời trung đại và cho đến mãi tận thời kì giao thời chuyển qua hiện đại hóa, chúng tôi muốn tìm hiểu vai trò xây dựng nền móng của văn học giai đoạn này. Hơn nữa khi đi vào tìm hiểu nhân vật My Ê - một phũ nữ dị tộc (My Ê là người Chiêm Thành) chúng tôi cũng muốn chỉ ra mục đích của các tác giả trung đại: khai thác câu chuyện My Ê để tuyên truyền cho đạo đức Nho giáo. Từ đó khẳng định tính tất yếu phổ biến của Nho giáo.

*Việt Điện U Linh* được xem là tác phẩm đầu tiên có truyện viết về người phụ nữ có lẽ là *Việt Điện U Linh* với hai truyện: *Hai Bà Trưng* và *Nàng My Ê*.

Theo *Đại Việt thông sử* và *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn và *Lịch triều hiến chương*

\*ĐT: 84 - 906487803

E-mail: dinhkieuchau@gmail.com

loại chí của Phan Huy Chú thì tác giả *Việt Điện U Linh* là Lí Tế Xuyên.

Lí Tế Xuyên sống vào khoảng cuối thế kỉ XIII, nửa đầu thế kỉ XIV, chưa rõ quê quán, năm sinh năm mất. Phần *Lạc khoản* ghi trong lời tựa của sách cho biết, Lí Tế Xuyên từng giữ chức Thủ đại tạng Hòa chính trưởng trung phẩm, phụng ngự, An Tiêm lộ chuyển vận sử thời Trần.

*Việt Điện U Linh* gồm 27 thiên, kể về công tích 27 vị thần được thờ trong các miếu, đền thời Lí- Trần với lời tựa của chính tác giả đề năm 1329. Tác phẩm được chia làm ba phần: Lịch đại nhân quân (6 thiên); Lịch đại phụ thần (11 thiên); Hạo khí anh linh (10 thiên). Đây là tác phẩm thuộc chức năng lễ nghi tôn giáo.

Khi nói *Việt Điện U Linh* là tác phẩm văn học chức năng vì nó đã ghi chép biểu dương các nhân vật được triều Trần sắc phong thần, mà việc sắc phong thần là việc thể hiện quyền lực thống trị của triều đại-vua không chỉ cai quản thiên hạ mà còn giám quản bách thần; đồng thời phản ánh quan điểm đạo đức chính trị của triều đình đã lựa chọn đạo Nho làm quốc giáo. Các nhân vật được sắc phong thần đều đáp ứng những “tiêu chuẩn” của triều đình thì mới được phong như: có công đánh giặc ngoại xâm, trung nghĩa, liệt nữ... Sự có mặt của họ trong tập sách còn là minh chứng cho tư tưởng Nhân kiệt địa linh - đất thiêng sinh ra hào kiệt. Tuyên dương họ tức là gián tiếp khích lệ những hành động, tư tưởng đạo đức ở người đời sau, như vậy rất có lợi cho các triều đại phong kiến. Họ được miêu tả từ điểm nhìn của đạo Nho. Nghệ thuật tự sự chịu sự chi phối của lối viết kì truyện thời cổ.

## 2. Nội dung

### 2.1. Khảo sát sự tích về My Ê

Câu chuyện về nàng My Ê xuất hiện ở hai tác phẩm văn xuôi thế kỉ XIV là *Việt Điện U*

*Linh* (VDUL) và *Lĩnh Nam chích quái* - một tác phẩm ra đời nửa đầu thế kỉ XIV, một tác phẩm ra đời vào cuối thế kỉ XIV- đây là lúc Nho giáo đã có địa vị văn học tư tưởng quan trọng vượt Phật giáo. Tuy cách kể lại sự tích My Ê trong hai sách có những điểm khác nhau, chẳng hạn, *Việt Điện U Linh* miêu thuật chi tiết hơn đoạn đầu tức đoạn My Ê bị bắt rồi bị vua ép “hợp hoan”, sau đó nàng tự vẫn, trước khi tự vẫn nàng cũng “nói lên” quan điểm của mình nhưng điểm nhìn trần thuật và kiểu tác giả, mục đích viết thì đều giống nhau: điểm nhìn và kiểu tác giả đều là nam giới, là nhà nho còn mục đích là đề cao ngợi, tôn vinh tiết hạnh, cách hành xử của My Ê, mượn chuyện My Ê để giáo dục đạo đức cho người phụ nữ. Câu chuyện My Ê nhìn chung có thể tóm tắt ngắn gọn thế này: Năm Thiên cảm Thánh Vũ thứ nhất (1044) Lí Thái Tông đi đánh Chiêm, chém được vua Sạ Đầu, tiến vào Phật Thệ, bắt thê thiếp Sạ Đầu đem về. Khi về đến hành điện Lí Nhân (Hà Nam) nhà vua sai triệu My Ê đến hầu thuyền ngự. My Ê lấy làm đau khổ, tủi nhục, liền quần chần vào mình nhảy xuống sông tự vẫn, nhà vua khen là trinh tiết phong là Hiệp chính hựu thiên phu nhân. Điều đặc biệt là sau khi mất My Ê còn linh ứng hiện về báo mộng với vua Lí. Câu chuyện kể về My Ê có hai chi tiết khiến chúng ta chú ý: 1) Quần chần nhảy sông - tại sao lại quần chần? chi tiết này rõ ràng ám chỉ My Ê lỏa thể trước khi quần chần - phải chăng có ý nói My Ê bị đẩy đến tình thế phải quan hệ với vua nên đã quần chần nhảy sông. Một phản ứng mang tính thần liệt nữ điển hình; 2) Tại sao lại chép linh ứng sau khi chết? Đây là quan điểm Nho giáo: Những người chết theo đạo nghĩa làm cảm động thiên địa, trở nên linh ứng-tất cả những nhân vật linh kiệt được chép trong *Việt điện u linh* đều như vậy cả. Nó được hiểu như một phần thưởng cho người sống có đạo (đạo Nho). Cả hai sách *Việt Điện U Linh* *Lĩnh Nam chích quái* đều thể hiện điều này bằng một đoạn ngôn ngữ đối thoại khá dài của My Ê. *Việt Điện U Linh*: “Thiếp nghe: Đạo đàn bà là phải “tòng nhất chi chung”. Quốc vương của thiếp ngày xưa tuy chẳng dám cùng bệ hạ tranh hoành, nhưng

cũng vốn là hàng nam tử kì tài một phương. Thiếp đã từng lạm dự việc lược khăn, vinh mang điều ân ái. Rồi chẳng may mà quốc phá quân vong, đêm ngày thiếp những cảm thương, chỉ mong có khi báo oán. Song quần thoa nhuộm chất, tính không ra kể. Kính nhờ hồng ân bệ hạ”. [6; tr.76]; *Lĩnh Nam chích quái*: “Thiếp có nghe đạo người đàn bà là một mực theo chồng, sống cùng giường, thác cùng huyết, thủ tiết không ô nhục, huống chi Sạ Đầu tuy không thể tranh tiên cùng bệ hạ nhưng khí khái nam nhi cũng đã đắc ý một phương, thiếp vẫn đội sủng huê; Sạ Đầu vì lỗi đạo, Thượng Đế giáng trách, mượn tay bệ hạ để đến bây giờ quốc phá thân vong, lòng thiếp ngày đêm không lo việc đờn báo; một buổi sáng, may nhờ bệ hạ sai Trung sứ đưa thiếp xuống tuyền đài, thiếp rất cảm ơn chứ nào có thuật gì mà xưng là linh, nói thêm nhảm tai bệ hạ”. [5; tr.115]. Đó là mô hình phát ngôn điển hình do nhà nho và đàn ông gán ghép cho phụ nữ để phục vụ mục đích giáo huấn đạo đức trình tiết cho phụ nữ. Nó còn thể hiện quan điểm văn hóa Hoa-Di của nhà nho Việt Nam: tôn vinh quốc vương Đại Việt, hạ thấp Sạ Đầu (ngoại tộc bị nhà nho coi là man di). Như vậy các tác giả nhà nho nam giới đã đem quan điểm đạo đức Nho giáo và quan điểm dân tộc chủ nghĩa của nhà nho (coi Chiêm Thành là man di chống lại thiên triều) để áp đặt vào miệng của My Ê.

## 2.2. Những ghi chép của chính sử về người liệt nữ

Câu chuyện về nàng liệt nữ My Ê là một câu chuyện có thật và cũng không phải là trường hợp cá biệt. Lần giờ lại những trang sử trong *Đại Việt sử ký toàn thư* chúng tôi nhận thấy một thực tế lịch sử rằng ở thời Lí-Trần có chuyện những người phụ nữ chết theo chồng có thể là tự nguyện và cũng có thể là bị ép. *Đại Việt sử ký toàn thư* bắt đầu viết năm 1479 nên gần như cùng thời với *Việt Điện U Linh* và trước *Lĩnh Nam chích quái*. Những câu chuyện về kiều liệt nữ mà *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi

cho thấy quan điểm Nho giáo đã chi phối đến sự lựa chọn đối tượng miêu tả

Những ghi chép đầu tiên của chính sử về người liệt nữ là về nhân vật nàng My Ê: “Mùa thu, tháng 7 vua đem quân vào thành Phật Thệ, bắt vợ cả vợ lẽ của Sạ Đầu và các cung nữ kẻ nào giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Sai sứ đi khắp các hương ấp, phủ dụ nhân dân. Các quan mừng thắng trận (...) Tháng 9 ngày mồng 1, đóng ở Phủ Trường Yên, có rồng vàng hiện ở thuyền ngự. Khi đến hành điện Ly Nhân, sai nội nhân thị nữ gọi My Ê là phi tần của Sạ Đầu sang hầu thuyền vua. My Ê phần uất lắm, ngậm lấy chân chôn quân vào mình nhảy xuống sông chết. Vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp chính hựu thiện phu nhân” [3 tr.189-190].

Một câu chuyện khác tiếp theo về người liệt phụ Hà Thị cũng dưới triều Lí Nhân Tôn: “Giáp Thìn, năm thứ 5 (1124)...Tháng 9, Thành Khánh hầu (không rõ tên) chết...Tháng 12, phu nhân của Thành Khánh hầu là Hà Thị uống thuốc độc chết theo chồng” [3; tr.215]. Sự “tự nguyện” của Hà Thị quả là gây một tác động tâm lí rất mạnh đó là việc uống thuốc tự tử và điều này cũng được sử gia Ngô Sĩ Liên cảm khái mà rằng: “Người đàn bà chỉ theo một chồng cho đến chết, không phải là chết chôn theo chồng. Hà Thị quá tình làm thắng, đến nỗi uống thuốc độc chết theo, tuy là quá, nhưng người khác cho là khó mà tự Hà Thị lại cho là dễ dàng, việc ấy cũng là khó làm. Hoặc giả Thành Khánh hầu đến lúc ấy mới chôn mà Hà Thị chết để chôn theo chẳng?” [3; tr.215]. Ở đây Ngô Sĩ Liên giả định một tinh thần liệt nữ ở dạng mạnh mẽ, quyết liệt hơn: chết để được chôn cùng chồng.

Một sự kiện nữa về người liệt nữ được chép lại dưới thời Lí khi mà thuyết “tòng phu” cũng được đẩy lên một cách cực đoan giống trường hợp thái hậu Thượng Dương và 76

cung nữ: “Ngày Ất Dậu (tháng 12 năm 1127), vua bắt đầu ngự điện Thiên An coi châu, xuống chiếu cho các quan bỏ áo trở. Ngày hôm ấy vua ngự giá đi Na Ngạn xem các cung nữ lên đàn thiêu để chết theo Đại Hành Hoàng Đế” [3; tr.218]. Đây là phong tục của Chiêm Thành, Ấn Độ và nhiều nước Đông Nam Á chứ chưa chắc phải là sự tự nguyện của phụ nữ. Dầu sao nó cũng có dáng dấp của liệt nữ.

Một câu chuyện dưới triều Trần cũng chép cái chết có dáng dấp liệt nữ: ngày 13 tháng 2 năm 1295 “người đàn bà ở phường Tây Nhai phía hữu kinh thành là Lê Thị Ta nghe tin chồng là Phạm Mưu đi sứ sang nước Nguyên ốm chết, thương nhớ không ăn ba ngày rồi cũng chết. Việc tâu lên, vua ban cho bạc và lụa” [3; tr.325]. Nhân sự kiện này sử gia Ngô Sĩ Liên bình: “Công chúa Thiều Dương nghe tin Thái Tôn băng kêu gào mãi rồi chết. Lê thị nghe tin chồng chết không ăn mà chết. My Ê phu nhân tiết nghĩa không lấy hai chồng, trầm mình chết; vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng, cũng trầm mình chết theo chồng; mấy người ấy nét thuần hiếu trinh khiết trên đời thực không có mấy, vua bấy giờ nêu khen là phải lắm, để khuyến khích đời sau. Nhưng Thiều Dương và Nguyễn Thị chưa thấy nêu khen, cho nên bàn cả vào đây” [3; tr.325]. Không chỉ khen bằng lời, các triều đình đang nho giáo hoá còn dùng các hình thức động viên vật chất cụ thể đối với người liệt nữ, tiết phụ. Sử cũ chép: “Năm 1456, tháng năm truyền thánh chỉ cho xã Đào Xác, huyện Chí Linh, lộ Nam Sách thượng rằng vợ goá của Nguyễn Văn Điều là tiết phụ, cho cấp bằng vàng treo ở cổng làng để biểu dương và miễn phu dịch cho 11 người con và cháu để phụng dưỡng” [3; tr.605]... Lời bình của Ngô Sĩ Liên cho thấy mục đích ghi chép là khuyến khích phụ nữ các đời sau noi gương, vậy mục đích sâu xa không phải tôn vinh một cá nhân nào mà là xây dựng một mẫu hình hành vi cho phụ nữ.

Như vậy, hiện tượng xuất hiện người liệt nữ trong thực tế lịch sử tuy không phải nhiều nhưng cũng không phải quá cá biệt. Nếu căn

cứ vào số lượng tác phẩm viết về người liệt nữ cũng như tần số xuất hiện của họ trong văn học để khái quát rằng đây không phải là kiểu nhân vật tiêu biểu cho giai đoạn văn học X-XV e rằng sẽ máy móc và không chính xác. Có những nhân vật xuất hiện tràn lan trong nhiều tác phẩm, nhiều thể loại nhưng không có nghĩa đó là nhân vật được mọi người thích thú, tâm đắc. Đây là những chỉ số xã hội phản ánh một thực tế nào đấy của xã hội. Còn chỉ số tâm lí thì không xác định được, hay còn rất mơ hồ. Phải làm sao biết được những loại nhân vật được con người thích thú và ảnh hưởng của nó trong tâm tưởng con người ra sao thì đó mới là câu trả lời chính xác cho địa vị của nhân vật tiêu biểu của thời đại đó. Nhân vật thời đại tiêu biểu không phải bao giờ cũng là nhân vật chiếm số đông. Nhân vật liệt nữ My Ê là nhân vật tiêu biểu của văn học giai đoạn đầu và có sức hấp dẫn đối các nhà nho suốt thời kì trung đại và sang cả cận đại là do đâu? Đó là vì hình mẫu này đã đáp ứng đầy đủ những chuẩn mực của người phụ nữ mà Nho giáo mong đợi. Hơn nữa mặc dù nàng là người phụ nữ Chiêm Thành nhưng lại có ứng xử hết như người học đạo Nho như thế đủ thấy tính phổ biến của Nho giáo. Tuy nhiên một vấn đề đặt ra là: tại sao trường hợp của My Ê lại được sử sách và các tác giả văn học quan tâm hơn những liệt nữ khác? Có thể có nhiều nguyên do nhưng theo chúng tôi có lẽ do nàng là vợ vua (vua Sạ Đầu, nước Chiêm Thành) nghĩa là nàng có danh phận hẳn hoi nên nhiều người biết đến chứ không phải vô danh như liệt phụ Hà Thị, Lê thị hay các cung nữ nào đó. Vậy thì sẽ giải thích sao về trường hợp thái hậu Thượng Dương? Điều này thì lại thật dễ hiểu: các tác giả nho gia luôn muốn từ hình mẫu liệt nữ My Ê để giáo dục đạo đức cho người phụ nữ vì khi chồng My Ê chết, bị vua Lí cường ép nên nàng đã “tự nguyện” nhảy xuống sông để chết theo chồng. Cho nên cũng là

vợ vua nhưng thái hậu Thượng Dương chết theo chồng là do bị bức tử còn My Ê là tự nguyện. Do đó các tác giả từ *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử kí toàn thư* đến Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm... đều khai thác cái chết của My Ê để chuyển tải những vấn đề về đạo lí phụ phụ, tiết hạnh người phụ nữ... Chúng tôi sẽ nói rõ điều này trong phần My Ê-số phận và sự tiếp nối cảm hứng.

Liệt nữ là hình mẫu lí tưởng mà các triều đại phong kiến luôn hướng đến để giáo dục đạo đức cho người phụ nữ. Xét về nguồn gốc văn hóa có thể thấy, hiện tượng người phụ nữ không nê hà hi sinh thân xác thịt để bảo vệ thân danh tiết như My Ê càng không phải là hiện tượng cá biệt. Đây thực chất là một nét văn hóa khá nổi bật ở Việt Nam hay nói chung là của toàn bộ vùng văn hóa phương Đông thời trung đại. Càng ở các giai đoạn sau thì liệt nữ lại càng xuất hiện với tần số nhiều hơn trong văn học và các sử liệu. Một tác phẩm “văn học hải ngoại” như *Nam ông mộng lục* cũng kể lại một câu chuyện tương tự về người đàn bà sẵn sàng xem thường cái chết, dám hi sinh thân xác để thực hiện thuyết “tòng phu”: “Năm Đinh Hợi, niên hiệu Vĩnh Lạc, vào ngày đại quân bình định đất Giao Chi, có một người đầu mục tên là Ngô Miễn nhảy xuống nước tự tử, vợ là Nguyễn Thị ngửa mặt lên trời than rằng: “Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, từ chỗ Trung quan được lên tham dự Chính phủ, nay vì nghĩa mà chết, thế là chết đáng chỗ, còn oán hận gì. Nếu thiếp muốn sống há không còn nơi nào sao? Nhưng cái nghĩa vợ chồng, cái ơn vua tôi ta không nỡ lòng phụ bạc. Thà chết theo nhau vậy”. Nói đoạn, cũng nhảy xuống nước mà chết” [7; tr.83-84]. Thế kỉ XVI, qua *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ đã chú ý đến hình ảnh những người phụ nữ lí tưởng có những cách ứng xử rất nổi bật là cách ứng xử xem nhẹ thân xác, sẵn sàng hy sinh thân thể để bảo vệ thân danh tiết. Cách ứng xử này là nguồn gốc của hành động tự vẫn để chứng minh tiết

hạnh ở các nhân vật như Nhị Khanh, Vũ Nương và Lê Nương trong *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Chuyện Lê Nương*. Bị chồng gán cho một người đàn ông khác vì thua bạc, Nhị Khanh trong *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu* không cảm giận chồng, ngược lại còn quyết giữ gìn trinh tiết, lòng thủy chung với người chồng bạc nghĩa bằng cách về nhà dọn đồ đàn con rồi thắt cổ tự tử: “Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói từ tế rằng: - Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giới xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chàng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dung nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa vậy. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giả các con một chút. Đổ cả mừng, rót đầy chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng: - Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi. Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết” [2; tr.23]. Cả Nhị Khanh cũng như người kể chuyện đều xem hành động tự vẫn là một tất yếu để bảo vệ tiết hạnh. Vì vậy, Nhị Khanh đến với cái chết rất chóng vánh. Người kể chuyện tuy có thể cũng thương xót cho nàng nhưng về cơ bản, cảm hứng ngợi ca hành động này vẫn rõ nét hơn thái độ thương xót. Lấy cái chết để chứng minh đạo đức, thể hiện tinh thần “Sát thân thành nhân, xả thân thù nghĩa” như Nhị Khanh đã làm cũng là cách ứng xử của Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* và nàng Lê Nương trong *Chuyện Lê Nương*. Lê Nương khi lâm vào tình cảnh phải chạy sang sứ người đã quyết định tự vẫn để thực hiện lý tưởng đạo đức. Còn Vũ Nương khi bị chồng nghi oan, không có cách nào chứng minh được lòng trinh bạch cũng đã gieo mình xuống Hoàng Giang tự vẫn, quyết định lấy cái chết để khẳng định trinh tiết của mình: “... Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên

trời mà than rằng: - Kê bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ. Nói xong gieo mình xuống sông mà chết” [2; tr.179-180]. Hàng trăm câu chuyện về tấm gương liệt nữ dám tự tử để giữ gìn tiết hạnh trong *Đại Nam thực lục* cũng đã chứng minh cho nét văn hóa này ở hình mẫu người phụ nữ lí tưởng. Trong *Đại Nam thực lục*, những liệt nữ được ngợi ca về trinh tiết thường được đặt vào những thử thách bị ép đi bước nữa như trường hợp Nhị Khanh của Nguyễn Dữ. Đứng trước thử thách kiểu này, mỗi liệt phụ đều có cách ứng xử khắc kỷ để khẳng định lòng trinh liệt: Có người lấy dao rạch mặt để chứng minh tiết hạnh “Trương Thị Vân, người huyện Chân Định, Nam Định, 23 tuổi, góa chồng ở vậy nuôi con, trong làng có kẻ hào phú muốn ép lấy, Thị Vân lấy con dao rạch mặt, nó bèn thôi” [1; T2, tr.675]; Có người tự vẫn để giữ tiết “Vũ Thị Lự, người xã Hạ Bì, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, lấy người cùng làng là Phạm Huy Thái, để được hai con gái. Năm 19 tuổi, chồng chết, trong ba năm cư tang, mỗi bữa cơm đều cúng và khấn, coi như chồng còn sống. Có người nhà giàu yêu nàng có nhan sắc, muốn lấy làm vợ, nàng không chịu. Cha mẹ để và cha mẹ chồng thương còn trẻ góa chồng, lại chưa có con trai, nên định ép duyên. Hôm dẫn cưới, nàng bèn gieo mình xuống sông để tự tử, may có người cứu được” [1; T4, tr.1043]; Có người thì cắt tóc, thề không đổi chí “Vũ Thị Phí người Châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn, 26 tuổi, sinh được một con trai, vừa được ba tháng thì chồng chết, đã mãn tang chồng, có người nói cầu lấy làm vợ kế, cha mẹ cũng khuyên bảo, nhưng thị tự cắt tóc,

thề không đổi chí, ở góa ở nhà chồng, trên thờ bố mẹ chồng, dưới nuôi con đến trưởng thành, trước sau toàn tiết, không ai nói vào đâu được” [1; T5, tr.182]... Ngoài ra, sách *Tang thương ngẫu lục* có kể lại câu chuyện về liệt phụ Đoàn phu nhân nhảy xuống sông chết theo chồng và được người đời ngợi ca về đức hạnh như sau: “Đoàn phu nhân là vợ thứ của Du Lĩnh hầu Ngô phúc Du, người làng Trảo Nha (Hà Tĩnh). Hầu là con nhà tướng, trong năm Cảnh Hưng, quản đốc đội quân tiên phong. Tháng sáu năm Bính ngọ (1786), bị chết tại trận. Bà vợ cả quy y cửa Phật, Đoàn thị đẹp mà không có con, được Hầu coi như vợ chính. Chưa bao lâu, phu nhân đem việc dận dò người nhà của Trình Hầu, rồi đến lập một đàn chay ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đồng chỗ tu của bà vợ cả. Làm chay xong, phu nhân cùng bà vợ cả cùng lũ con của Hầu ra đặt trước bài vị ở bến Thúy Ái, nơi hầu chết trận khi trước, ngoảnh về phía nam chiêm hồn để tế, mọi người xa gần kéo nhau đến xem đông lắm. Đoàn, phu nhân ăn mặc chải chuốt, son phấn điểm trang, bơi một chiếc thuyền con ra giữa dòng, gieo mình xuống nước mà chết. Dân ở đây lập miếu thờ” [4; tr.65-66]...

Tóm lại, liệt nữ, liệt phụ là những nhân vật có thật trong lịch sử từ thời Lí với ghi chép đầu tiên về liệt nữ My Ê. Nho giáo từ các thế kỷ XIV trở đi dần chiếm địa vị chủ đạo của đời sống tư tưởng xã hội, ảnh hưởng đến lĩnh vực sáng tác và viết sử. Câu chuyện My Ê được nhà nho xây dựng, thêm thắt nằm trong xu hướng này, được *Đại Việt sử ký toàn thư* sau này ủng hộ. Cảm hứng này thống nhất với việc *Đại Việt sử ký toàn thư* biên soạn ở thế kỷ XV ghi lại các trường hợp phụ nữ chết theo chồng như chúng tôi đã trình bày ở trên. Và từ thực tế lịch sử đó các tác giả nho gia mới dựng lên những câu chuyện li kì hơn để tăng thêm sức thuyết phục cho những giáo điều của nho giáo nhằm áp đặt mọi chuẩn mực lên người phụ nữ một cách đầy vô lí, bất công. Với cách nhìn

thiên kiến ấy thì những người phụ nữ không sống theo đúng bốn phận “tòng nhất chi chung” thì đều bị xem là dâm phụ, đối nghịch với liệt nữ, kiểu như nhân vật A Kim trong *Lĩnh Nam chích quái*: A kim goá chồng ở tuổi 23 chồng chết nhưng không giữ giá, bị tiếng hát ma quái của Hà Ô Lô làm cho mê mẩn thành ra tương tự. Rồi vượt qua mọi ràng buộc của đạo lí, bèn cùng Ô Lô tư thông, “tình ái ngày một thêm nồng, đến nỗi quên cả Ô Lô là người đẹp hay xấu”. Và nếu xét theo đúng quan điểm văn hoá về nữ giới ở Việt Nam thời trung đại như trên thì những thái hậu Dương Vân Nga hay hoàng hậu Trần Thị Dung đều không phải là những người phụ nữ chính diện.

### 2.3. *My Ê và sự tiếp nối cảm hứng*

Kiểu nhân vật liệt nữ kiên trinh như My Ê không chỉ là niềm cảm hứng của Lí Tế Xuyên trong *Việt Điện U Linh* mà còn xuất hiện trong nhiều sáng tác của các nhà Nho khác thời phong kiến như Trần Thế Pháp, Ngô Sĩ Liên, Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm..., thậm chí còn kéo dài đến tận đầu thế kỉ XX trong các bài viết trên Tạp chí *Nam Phong*. Từ quan điểm giới có thể khẳng định: vấn đề các tác giả đời sau viết về My Ê đều vẫn đứng ở điểm nhìn nam quyền để bình giá người phụ nữ

Trần Thế Pháp là tác giả của *Lĩnh Nam chích quái*, ra đời vào cuối thế kỉ XIV. Tập sách gồm 22 thiên và là tác phẩm đầu tiên trong văn xuôi tự sự Việt Nam được nhà văn dùng thuật ngữ “truyện” để đặt cho mỗi thiên, đồng thời cũng là sáng tác mở đầu cho khuynh hướng sưu tầm, biên soạn, bảo tồn truyện dân gian. *Lĩnh Nam chích quái* bên cạnh ghi lại những truyện ca ngợi các anh hùng lịch sử của dân tộc như Lạc Long Quân, An Dương Vương, Lí Thường Kiệt...cũng đã đưa vào truyện về nàng My Ê nhằm ca ngợi sự trinh liệt của người phụ nữ theo quan điểm Nho giáo. (*Truyện My Ê trinh liệt phu nhân*).

Ngô Sĩ Liên được xem là người có công lớn nhất trong việc biên soạn bộ quốc sử của nước ta thời trung đại là *Đại Việt sử kí toàn thư*. *Đại Việt sử kí toàn thư* ra đời thế kỉ XV được coi như một di sản văn hóa dân tộc. Tác phẩm không chỉ có giá trị lịch sử to lớn mà còn có giá trị văn học sâu sắc. *Đại Việt sử kí toàn thư* đã xây dựng thành công nhiều chân dung nhân vật lịch sử, miêu tả thành công những bối cảnh không gian, thời gian xảy ra sự việc. Ngoài ra nguồn sử liệu phong phú trong tác phẩm còn là tư liệu quý giá cho nghiên cứu và sáng tác văn học. Câu chuyện về nàng My Ê vì thế cũng đã được sử gia ghi lại. Tuy chỉ là những thông tin ngắn gọn nhưng chân dung người phụ nữ với các chuẩn mực đạo đức phong kiến đã được gọi lên như là bài học luân lí phổ biến cho các đời sau: “Mùa thu, tháng 7 vua đem quân vào thành Phật Thệ, bắt vợ cả vợ lẽ của Sạ Đẩu và các cung nữ kẻ nào giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Sai sứ đi khắp các hương ấp, phủ dụ nhân dân. Các quan mừng thắng trận. Tháng 9 ngày mùng 1, đóng ở Phủ Trường Yên, có rồng vàng hiện ở thuyền ngự. Khi đến hành điện Lý Nhân, sai nội nhân thị nữ gọi My Ê là phi tần của Sạ Đẩu sang hầu thuyền vua. My Ê phân uất lắm, ngậm lấy chấn chiên quẩn vào mình nhảy xuống sông chết. Vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp chính hựu thiện phu nhân” [3; tr.189-190]. Tinh thần giáo huấn từ một câu chuyện kể mang tính truyền thuyết, có sự thêm thắt của nho gia đã chính thức đi vào sử sách chính thống với việc sử gia Ngô Sĩ Liên biểu đồng tình với xu hướng khai thác nhân vật My Ê như vậy: “Phu nhân giữ nghĩa không chịu nhục, chỉ theo một chồng cho đến chết để toàn vẹn trinh tiết của người đàn bà. Người làm tôi mà thờ hai vua, tức là tội nhân đối với phu nhân. Vua khen là trinh tiết, phong làm hiệp chính phu nhân để khuyến khích đời sau là đáng lắm” [3; tr.190]. Qua đây ta thấy, người phụ nữ Chiêm Thành -My Ê đã có một số phận của mình trong lịch sử văn học Việt Nam trung

đại nhờ có quan điểm chính thống của các triều đại Lí-Trần và tiếp tục được khẳng định trong *Đại Việt sử kí toàn thư*. Được sự khích lệ của quan điểm nho giáo chính thống, My Ê tiếp tục là đối tượng đề vịnh của nhiều thế hệ các tác giả ảnh hưởng tư tưởng nho giáo về đạo đức.

Bên cạnh các tác phẩm văn xuôi như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, nhân vật My Ê với cái chết của nàng đã trở thành đề tài hấp dẫn cho dòng thơ vịnh sử, không chỉ ở thời trung đại mà còn kéo dài đến tận đầu thế kỉ XX. Ta biết rằng thơ vịnh sử là thơ vịnh nhân vật, sự kiện, di tích lịch sử... để ngôn chí với ngụ ý khen chê, nhằm nêu gương lịch sử để giáo hóa người đời. Thơ vịnh sử xuất hiện khi Nho giáo dần hưng thịnh rồi tiến lên địa vị chính thống về mặt ý thức hệ. Cho nên, quan niệm về thơ vịnh sử chính là quan niệm văn chương Nho giáo nói chung. Nhà Nho cho rằng, cái hay, cái tốt đẹp thuộc về quá khứ, hậu thế chỉ noi theo và bắt chước không cần khai phá, sáng tạo. Theo quan niệm ấy, các nhà thơ vịnh sử muốn tìm ở nhân vật lịch sử chứ không phải nhân vật đương thời, những tấm gương đạo đức để giáo hóa xã hội. Vì thế, họ không vịnh bất cứ nhân vật nào, mà chỉ tập trung vào những nhân vật lịch sử tiêu biểu cho đạo đức phong kiến theo tiêu chuẩn của họ. Những tác giả như Lí Tế Xuyên, Trần Thế Pháp, Ngô Sĩ Liên khi viết về My Ê đã khai thác sự kiện cái chết của bà để tuyên truyền cho quan niệm của đạo Nho về người liệt nữ, gián tiếp tuyên truyền cho đạo đức Nho giáo nói chung. Các tác giả tiếp theo thời trung đại như Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm trong thơ vịnh sử của mình cũng đã tiếp thu trọn vẹn tinh thần ấy. Với Lê Thánh Tông đạo “tam cương ngũ thường”, tiết hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến My Ê đã làm trọn vẹn. Bởi thế tấm gương “thờ chúa, thờ chồng hết tấc thương” của nàng xứng đáng được lưu vào sử xanh:

Thờ chúa, thờ chồng hết tấc thương

Một mình lộn đạo việc cương thường  
Non thiêng dễ hóa hồn Tinh Vệ  
Nước biếc khôn nhìn mặt Phạm Vương  
Dòng bạc thề cùng thu có nguyệt  
Sử xanh chép để bút còn hương  
(Vịnh My Ê, Thơ Nôm)

Với Đặng Minh Khiêm, trong hoàn cảnh “nước mất nhà tan hận chữa nguôi” thì việc My Ê “được” tự vẫn trên sông Hoàng Giang là điều may mắn của bà và bà lấy làm cảm tạ vua nhà Lí về việc đó:

Quốc phá gia vong hận vị khô,  
Nhẫn vẫn trung sử chiếu tán thôi,  
Khỏa chiên nhất nhập Hoàng Giang thủy,  
Đa tạ quân vương tống tử lai.

(My Ê, Việt Giám vịnh sử thi tập)

Dịch thơ:

Nước mất nhà tan hận chữa nguôi,  
Nỡ nào nghe lọt chiếu vua đòi  
Mảnh chiên liều để sông Hoàng cuốn,  
Đa tạ quân vương được thoát đời

(Lê Thuốc dịch)

Chúng ta đều biết trong hai tác phẩm văn xuôi *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* câu chuyện về My Ê đều được khai thác ở phương diện là một tấm gương trinh liệt. Ngôn ngữ của nhân vật vì thế cũng sắc mùi những khái niệm Nho giáo. Nào là “*tòng nhất chi chung*”. Nào là “*đạo đàn bà là một mực theo chồng, sống cùng giuồng, thác cùng huyết, thủ tiết không ô nhục*”. Khi làm thơ bàn luận, đánh giá về chuẩn mực đạo đức của người phụ nữ Lê Thánh Tông và Đặng Minh Khiêm đã chịu ảnh hưởng khá rõ với việc nhắc đến những cụm từ thể hiện cho tư tưởng nho giáo: “*thờ chúa, thờ chồng*”, “*đạo cương thường*”, “*quốc phá gia vong*”, “*đa tạ quân vương tống tử lai*”.

Qua thời gian, nhân vật My Ê vẫn được người đời sau tiếp thu, đón nhận mà rõ nhất có

lẽ là những bài thơ vịnh My Ê trên tạp chí *Nam Phong* ở đầu thế kỉ XX. *Nam Phong* là một tờ nguyệt san xuất bản tại Việt Nam từ tháng 7/1917 đến tháng 12/1934, tồn tại 17 năm và

cho ra đời 210 số, do Phạm Quỳnh chủ nhiệm và chủ bút. Theo thống kê của chúng tôi, trên tạp chí *Nam Phong* có tất cả 4 bài thơ vịnh My Ê trên các số 7, 17, 51, 114.

STT	TÊN BÀI THƠ	TÁC GIẢ	SỐ, TRANG	PHẦN THƠ
01	<i>MỸ Ê</i>	Vân Đình Trần Mai Khôi	Số 7; tr38	<i>Nước tan nhà vỡ lại còn chi? Nghĩ thế nên cô có tiếc gì? Phật- thế đã xong niềm nguyện ước Tây- thiên thoi hát điệu hò hề Song châu một dải đôi hàng lệ, Bóng nguyệt năm canh mấy giọt tì Tiết sạch chong chong không chút đục Đêm cừ linh hiển đến ngày ni.</i>
02	<i>VỊNH MY Ê</i>	Hữu Tô Phạm Xuân Nùng	Số 17; tr297	<i>Mạnh bạc chần đào dải nước xanh, Nước xanh lai láng biết bao tình Tấm thân đã chót loài hèn yếu, Muôn thâm gì hơn buổi chiến tranh Một cuộc tang thương thoi vận nước, Trăm năm tiết nghĩa cũng lòng mình Đoái xem thiên hạ bao thần thiếp, Càng lúc càng suy kiếm lợi danh.</i>
03	<i>BÀ MY Ê</i>	Đạm Phương nữ sĩ	Số 51, tr261 (năm 1921)	<i>Ơn vua nợ nước trả cho xong, Dám tiếc làm chi mảnh má hồng Sau trước vẫn cam thề sống thác, Mát còn nở để thẹn non sông Mây sâu lớp lớp bay về Bắc, Sông thâm rừng rùng cuộn hướng Đông Đợi phải chiếu rồng ban triệu đến, Đã đành trọn tiết với vương công.</i>
04	<i>NÀNG MY Ê</i>	Bùi Hữu Yên	Số 114, tr180	<i>Kẻ khuất người còn giọt lệ rơi, Thôi thì cũng một thác cho rồi, Tấm thân thanh bạch dòng sông cuốn, Tắc dạ trung trinh bóng nguyệt soi Phật thế gió còn mây âm đạm, Châu giang sóng vỗ nước chơi vơi Nghìn năm sử sách lưu truyền mãi, Để khách quần thoa thử ngắm coi.</i>

Những bài thơ vịnh My Ê trên *Nam Phong* đều có chung một điểm: thể hiện niềm cảm thương trước sự bạc mệnh của My Ê và ca ngợi sự trinh tiết của nàng. Đây cũng chính là sự bảo vệ cho đạo đức Nho giáo mà hai bài thơ mở đầu của Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm đã đề cập đến ở những thế kỉ trước. Hơn nữa, ở hoàn cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX khi mà tiếng súng xâm lược của thực

dân Pháp đã mang đến biết bao sự thay đổi, xáo trộn từ chính trị, văn hóa, văn học đến nếp sống, nếp nghĩ... và những định hướng tìm đường giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ thực dân, thậm chí xuất hiện cả những sự phản bội lại đất nước, triều đình, nhân dân chạy theo lợi danh, đầu hàng thực dân Pháp..., thì tất cả những điều đó ít nhiều cũng đã tạo nên tâm trạng “ưu thời mẫn thế” của các nhà Nho. Và

việc họ gửi gắm lòng mình vào những vần thơ vịnh một nhân vật liệt nữ như My Ê là hoàn toàn dễ hiểu vì nhà Nho vẫn từng quan niệm “một người đàn bà chết chồng, không lấy chồng khác, mà gọi là tiết phụ cũng chẳng khác nào một người bầy tôi chết vì vua gọi là tử tiết hay tận thân tiết. Tiết phụ là một người vợ đã hết bổn phận với chồng cũng như “tử tiết chi thân” là một bầy tôi đã làm hết bổn phận với vua”. Ở đây, theo quan niệm của các nhà Nho - trí thức hình mẫu My Ê đã trở thành một kiểu người đáng được tôn vinh, một tấm gương trong sáng phản chiếu đạo đức người phụ nữ theo tư tưởng Nho giáo. Hàng loạt những cụm từ đề cao sự tiết hạnh của người phụ nữ cũng đã được sử dụng như *tiết sạch, trăm năm tiết nghĩa, trọn tiết với vương công, tấm thân thanh bạch, tắc dạ trung trinh...* Không những thế dấu ấn ảnh hưởng về ngôn từ từ hai bài thơ vịnh sử của Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm trong những tác phẩm vịnh My Ê trên *Nam Phong* cũng khá rõ. Chẳng hạn, Lê Thánh Tông có câu: “*Sử xanh chép để bút còn hương*” thì các tác giả trên *Nam Phong* cũng có những câu với từ ngữ tương tự: “*Đem cừu linh hiển đến ngày ni*”, “*Nghìn năm sử sách lưu truyền mãi*”...Hoặc Đặng Minh Khiêm có viết “*Nước mất nhà tan*” thì cũng thấy xuất hiện những ý diễn đạt như thế: “*nước tan nhà vỡ*”, “*muôn thảm gì hơn buổi chiến tranh- một cuộc tang thương thôi vận nước*”...Điều này cũng dễ hiểu vì trong những năm đầu thế kỉ XX, thơ ca vẫn còn nặng quan niệm của văn học trung đại, chưa thoát khỏi những gò bó, ước lệ khuôn sáo của thi ca trung đại.

Như vậy, nhân vật My Ê là một nhân vật phụ nữ hiếm hoi trong văn xuôi giai đoạn X-XV được tác giả trung đại xây dựng như một hình mẫu lí tưởng. Các tác giả ngay từ *Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái, Đại Việt sử kí toàn thư* đến thơ vịnh sử của Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm đã cấp cho cái chết của nàng một ý nghĩa đạo đức phù hợp với đạo

đức nho giáo. Từ điểm nhìn đến cách kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật đều là của tác giả nam giới, nho giáo gán cho nhân vật. Cái gọi là “xuất giá tòng phu” theo quan niệm hà khắc của tư tưởng Nho giáo đã được My Ê thực thi một cách “tự nguyện” trong hoàn cảnh “nước mất nhà tan”. Bởi thế, sự trung trinh, sự tiết hạnh của nàng đã được sử sách ngợi ca, được xem như là tấm gương để các nhà Nho rao giảng về đạo đức người phụ nữ cho các thế hệ đời sau noi theo. Ở đây việc các giả trung đại ca ngợi My Ê, tuyên truyền cho liệt nữ cũng như đạo hiếu là tuyên truyền cho đạo trung vua. Quan điểm này không chỉ xuất hiện trong thời trung đại mà còn kéo dài đến tận đầu thế kỉ XX.

### 3. Kết luận

Tóm lại, tuy chỉ đứng trong hội “cài thoa vận yếm” nhưng nhân vật My Ê đã được nhìn nhận như một hình mẫu lí tưởng không khác gì các tu mi nam tử. Sự trinh tiết, sự “tòng nhất chi chung” ở nàng đã rất phù hợp với đạo đức phong kiến. Vì thế từ *Việt Điện U Linh, Lĩnh Nam chích quái, Đại Việt sử kí toàn thư* đến thơ Lê Thánh Tông, Đặng Minh Khiêm đều ca ngợi phẩm chất ấy của My Ê trên nền tảng của tư tưởng Nho giáo. Điều này cho thấy Nho giáo trong một thời gian dài đã ảnh hưởng khá sâu đậm đến đời sống tinh thần của dân tộc ta. Các nhà Nho ca ngợi tiết hạnh của My Ê cũng là một cách để tán dương những giáo điều Nho học mà cả nhà nước phong kiến đã và đang ra sức bảo vệ, giữ gìn. Điều này không chỉ có ở thời trung đại mà còn kéo dài đến tận đầu thế kỉ XX trong những bài thơ vịnh My Ê trên tạp chí *Nam phong* mà chúng tôi có nhắc đến trong bài viết. Thực chất cái chết của My Ê là gì tất nhiên không ai biết chính xác được. Nhưng Nho gia muốn nói rằng: tuy My Ê là người phụ nữ khác văn hóa (văn hóa Chăm) mà cũng tự tử để bảo toàn danh tiết nghĩa là My Ê sẵn sàng hi sinh cái thân thể xác để giữ

gìn cái thân danh tiết, thì đạo đức Nho giáo là thiên kinh địa nghĩa, là đạo đức thiêng liêng. Đồng thời qua đó chúng ta cũng thấy rằng: một người phụ nữ khác văn hóa mà hành xử hết như người có đạo Nho, chứng tỏ tính chất phổ quát, thiêng liêng của đạo đức Nho giáo. Đây chính là sức hấp dẫn của hình tượng My Ê đối với các nhà Nho trong suốt thời trung đại.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nhiều tác giả, Đại Nam thực lục, Tập 1 - 5 (Bộ mới), NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2007.
- [2] Nguyễn Dữ, Truyền kì mạn lục (Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch), NXB Văn Nghệ, Thành Phố Hồ Chí Minh, 1988.
- [3] Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư (trọn bộ), NXB Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội, 2009.
- [4] Đạm Nguyên, Tang thương ngẫu lục - Phạm Đình Hồ, Nguyễn Án, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 1970.
- [5] Trần Thế Pháp, Lĩnh Nam chích quái (Bản dịch của Lê Hữu Mục), NXB Khai Trí, Sài Gòn, 1970.
- [6] Lý Tế Xuyên, VĐUL tập lục toàn biên (Ngọc Hồ phiên dịch), NXB Sóng Mới, Sài Gòn, 1974.
- [7] Lý Tế Xuyên, Hồ Nguyên Trừng, Nguyễn Dữ, Việt điện u linh, Nam Ông mộng lục, Truyền kì mạn lục (Đình Gia Khánh - Trịnh Đình Rư dịch và chú thích), NXB Văn học, Hà Nội, 2008.

## The Story About Heroine My Ê (A Character in *Việt Điện U Linh* by Lý Tế Xuyên) and Historical Facts

Nguyễn Thị Giang

VNU University of Social Sciences and Humanities,  
336 Nguyễn Trãi Road, Thanh Xuân Dist., Hanoi, Vietnam

**Abstract:** In history and literature, when and how the expressions of a society of men's rights, the ideas of oppression of women and the imposition of virginity on women get started and are revealed seem to be yet to be paid attention by the researchers' circle. The recent studies have to some extent described the heroine in the late medieval period, but in the first stage, no sufficient attention is yet to be paid to. The paper has selected the heroine My Ê as its research work, considered as the earliest signs of this heroine in Vietnam's medieval literature. The research work has tried to decode the reason why the feudal state decided to choose a woman of her mother's relations, with the different culture (was considered as a barbarian culture) as a prelude to the dissemination which in essence is women's stoic morality, serving the patriarchal order, men's benefits. Then how can we follow the image of My Ê, that existed and continued throughout the medieval period?

**Keywords:** My Ê; Heroine; Việt Điện U Linh, Lý Tế Xuyên.